



TÍNH CÁCH VIỆT TRONG TRUYỆN NGẮN THẠCH LAM

Hồ Thị Xuân Quỳnh*

Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Hồ Thị Xuân Quỳnh (email: htxquynh@ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 21/03/2019

Ngày nhận bài sửa: 31/07/2019

Ngày duyệt đăng: 30/10/2019

Title:

The Vietnamese characteristics in Thach Lam's short stories

Từ khóa:

Lòng yêu nước, phẩm chất, sự khoan dung, tính cách

Keywords:

Patriotism, personalit, quality, tolerance

ABSTRACT

The article shows Vietnamese character explicitly in Thach Lam's short stories. It is one of the outstanding values of the content in his short stories, making his short story both humane and deeply national. Thach Lam's short stories are like lyric poems to praise the beauty of personality and quality of Vietnamese people in life. Thach Lam has had many artistic creation to depict the character of the Vietnamese identity in his short stories.

TÓM TẮT

Bài viết làm rõ tính cách Việt trong truyện ngắn Thạch Lam. Đây là một trong những giá trị nổi bật về nội dung của truyện ngắn Thạch Lam, khiến cho truyện ngắn của nhà văn này vừa có giá trị nhân đạo vừa có tính dân tộc sâu sắc. Truyện ngắn Thạch Lam giống như những bài thơ trữ tình ca ngợi vẻ đẹp về tính cách, phẩm chất của con người Việt Nam trong cuộc sống. Thạch Lam đã có nhiều sáng tạo nghệ thuật để khắc họa những nét tính cách mang đậm bản sắc con người Việt Nam trong truyện ngắn của ông.

Trích dẫn: Hồ Thị Xuân Quỳnh, 2019. Tính cách Việt trong truyện ngắn Thạch Lam. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(5C): 107-116.

1 DẪN NHẬP

Thạch Lam (1910-1942) là một trong những nhà văn tiêu biểu của nhóm Tự lực văn đoàn. Ông sáng tác nhiều thể loại văn chương, nhưng thể loại ghi đậm dấu ấn tài năng sáng tạo nghệ thuật của ông là thể loại truyện ngắn. Truyện ngắn Thạch Lam thoáng mà động. “Thoáng” là do truyện ngắn Thạch Lam không bị gò bó bởi cốt truyện. “Động” là bởi sự dồn nén và độ kết tinh cao của cảm xúc, tạo nên tính hàm súc cho truyện ngắn của ông.

Khi sáng tác truyện ngắn các nhà văn khác thường thiên về “hướng ngoại”, riêng Thạch Lam lại chuyên tâm vào “hướng nội”. Truyện ngắn Thạch Lam là những sáng tạo nghệ thuật độc đáo trong việc khám phá thế giới tâm hồn và thể hiện đậm nét tính cách con người Việt Nam. Tính cách Việt trong truyện ngắn Thạch Lam được thể hiện bằng những

thái độ ứng xử trước mọi tác động do hoàn cảnh gây ra của một hệ thống nhân vật thuộc nhiều giới, nhiều tầng lớp, nhiều lứa tuổi trong mối quan hệ với tự nhiên, với xã hội, với gia đình và bản thân.

2 NHỮNG KHÁM PHÁ NGHỆ THUẬT VỀ TÍNH CÁCH NGƯỜI VIỆT NAM TRONG TRUYỆN NGẮN THẠCH LAM

Đọc truyện ngắn Thạch Lam, ai cũng có cảm nhận về những yếu tố mới mẻ, đẹp và hay, nhưng khó kể lại được. Sở dĩ khó kể lại là bởi truyện ngắn của Thạch Lam không có cốt truyện. Truyện ngắn Thạch Lam là truyện ngắn trữ tình. Mỗi truyện ngắn của Thạch Lam là một mảnh tâm hồn con người. Dù mỗi truyện ngắn của Thạch Lam đề cập đến một mặt, một khía cạnh hay một khoảnh khắc khác nhau của đời sống tinh thần, nhưng ở bất cứ truyện nào, nhà văn cũng chú ý khắc họa những nét tính cách

Việt của nhân vật. Điều này chứng tỏ tính cách Việt đã trở thành ý thức thường trực và cảm hứng chủ đạo trong sáng tạo nghệ thuật của Thạch Lam.

2.1 Những giới thuyết về tính cách

Theo các tác giả Từ điển tiếng Việt thì tính cách là: “Tổng thể nói chung, những đặc điểm tâm lý ổn định, trong cách xử sự của một người, biểu hiện thái độ điển hình của người đó trong những hoàn cảnh điển hình” (Hoàng Phê, 2009). Tác giả Nguyễn Lân (2007) xác định tính cách là “nét riêng biệt của mỗi người thể hiện trong phong cách cư xử và trong thái độ đối với sự vật”. Học giả Đào Duy Anh (1951) lại định nghĩa tính cách là “cái hình thức nhất định của nhân tính”. Theo cụ Đào thì từ “tính” (trong tính cách) là “Cái nguyên lý sơ dĩ sinh ra người. Cái bản nguyên về tinh thần của người, bản chất của người”. Trong công trình Hán-Việt từ điển, học giả Thiều Chửu (1997) định nghĩa hai chữ “tính” và “cách” theo lối chiết tự. “Tính” là “một cái lẽ chân chính trời bảm phú cho người”. Còn “cách” là “Cảm cách, lấy lòng thành làm cho người cảm phục gọi là cách”.

Từ những giới thuyết trên về tính cách, ta có thể tìm ra ý nghĩa chung của tính cách. Tính cách là những giá trị tinh thần, những đức tính thuộc bản tính, chân tính của mỗi cá nhân con người được thể hiện bằng thái độ đối nhân xử thế trong các mối quan hệ với tự nhiên, với xã hội, với gia đình và bản thân.

Khi tính cách riêng của mỗi cá nhân con người Việt Nam mang bản tính chung của cộng đồng dân tộc thì nó biểu hiện tính cách chung của cả một dân tộc và trở thành tính cách Việt. Tính cách Việt được thể hiện ở các đức tính: lòng yêu quê hương, đất nước, lòng bác ái, vị tha, cần cù và sáng tạo trong lao động, dũng cảm và thông minh trong chiến đấu, thủy chung trong tình bạn và tình yêu, trọng giá trị tinh thần hơn vật chất, trung hậu, hiếu thảo, kiên cường, bất khuất trước mọi thử thách, hiểm nguy.

Những tính cách ấy đã làm nên những giá trị tinh thần truyền thống bền vững trong suốt chiều dài lịch sử bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc. Nó cũng là cái gốc tạo nên sức mạnh tinh thần của mỗi con người Việt Nam. Trong gian khổ đau thương của những cuộc chiến tranh do kẻ thù gây nên, tính cách Việt lại càng ngời lên như những ngọn đuốc bùng sáng ánh lửa của lương tâm và phẩm giá của con người Việt Nam, soi sáng hướng đi lên cho các thế hệ tiếp bước. Trong thời đại ngày nay, tính cách Việt đã làm cho Việt Nam không chỉ là Việt Nam của Việt Nam mà đã trở thành Việt Nam của thế giới: “*Có một nhân dân như nhân dân Việt Nam thật vinh dự biết bao cho gia đình nhân loại*” và “*Trái tim thế giới đập ở Việt Nam*” (Nguyễn Đức Nam, 1972).

Bàn về tính cách người Việt, trong công trình nghiên cứu *Tính cách người Việt* (Nghiên cứu nhân học Văn hóa), tác giả Nguyễn Văn Chiến đã luận giải tính cách người Việt từ ba góc nhìn; góc nhìn lịch sử, góc nhìn văn hóa và góc nhìn các vùng miền. Từ góc nhìn lịch sử, tác giả Nguyễn Văn Chiến cho rằng người Việt Nam có lòng yêu nước, tính tự lực, tính thích ứng, tính khoan dung, ý thức tôn trọng truyền thống, tính hiếu học, trọng thị văn chương và người Việt là một dân tộc thơ ca. Còn từ góc nhìn văn hóa, ông lại xem xét theo ba khía cạnh: tư duy, cách cảm và cách hành xử của người Việt Nam. Khi xem xét tính cách người Việt Nam qua các vùng miền, tác giả lại đặt nó trong không gian của từng vùng miền để chỉ ra sự chi phối của từng không gian vùng đất đến tính cách của con người Việt Nam.

Khi bàn đến tính cách dân tộc Việt cũng cần có sự phân biệt với phẩm chất con người Việt. Vậy phẩm chất là gì? Các tác giả *Từ điển tiếng Việt* cho rằng phẩm chất là “*cái làm nên giá trị của một người hay một vật*” (Hoàng Phê, 2009). Nhà nghiên cứu Phan Văn Các (2001) cũng có giới thuyết tương tự như thế: phẩm chất là “*tính chất, giá trị của người hay vật*”. Còn tác giả Nguyễn Lân (2007), phẩm chất được gói gọn trong hai từ “*tư cách, đạo đức*”.

Những ý kiến trên đã dẫn chúng tôi đến một kiến giải: *Phẩm chất là tiêu chuẩn định giá, là thước đo phẩm giá của con người và sự vật*. Tuy tính cách là một thành tố của phẩm chất, nhưng giữa chúng cũng có những khác biệt. Nếu như tính cách là bản tính, là chân tính của con người trong thái độ đối nhân xử thế thì phẩm chất là thước đo, là tiêu chuẩn định giá của con người và mọi sự vật.

Một điểm dị biệt khác giữa tính cách và phẩm chất: phẩm chất có hai mặt đối cực: tốt- xấu, thiện-ác, đúng- sai, còn tính cách chỉ có một mặt là tốt, là thiện, là đúng bởi tính cách của con người là “*một cái lẽ chân chính trời bảm phú cho người*”. Lòng yêu quê hương là một đức tính tốt, thuộc phạm trù tính cách và nó góp phần làm nên phẩm chất người Việt khi nó là một thành tố của phẩm chất con người.

2.2 Biểu hiện tính cách Việt trong truyện ngắn Thạch Lam

Bằng những cảm quan thẩm mỹ tinh tế và những sáng tạo nghệ thuật độc đáo, Thạch Lam đã khắc họa khá nổi bật tính cách Việt trong truyện ngắn của ông. Thạch Lam có 3 tập truyện ngắn, đó là *Gió đầu mùa* (1937), *Nắng trong vườn* (1938) và *Sợi tóc* (1942) với tổng cộng 30 truyện ngắn. Những truyện ngắn của Thạch Lam, một truyện như một chương liên kết lại thành một bản trường ca ca ngợi vẻ đẹp của tính cách Việt Nam trong cuộc sống thường ngày. Tính cách Việt là một chỉnh thể tinh thần cao đẹp và thuần khiết. Bằng những sáng tạo nghệ thuật đặc sắc,

Thạch Lam đã khắc họa khá nổi bật tính cách Việt trong sự phong phú và đa dạng của nó thông qua hệ thống các nhân vật trong truyện ngắn. Mỗi nhân vật trong truyện ngắn Thạch Lam đều là hiện thân cho một nét đẹp của tính cách Việt Nam.

Nét đẹp của tính cách Việt trong truyện ngắn Thạch Lam được thể hiện trước hết là lòng yêu quê hương đất nước. Ngoại trừ những người quay lưng với đất nước, với dân tộc, còn những người dân Việt khác đều có “cái lẽ chân chính trời bâm phú cho” là lòng yêu quê hương đất nước. Thông qua hình tượng một số nhân vật trong truyện, Thạch Lam đã làm nổi bật tính cách này. Lòng yêu quê hương là cơ sở của lòng yêu nước. Lòng yêu nước được biểu hiện ở lòng yêu quê hương và chính lòng yêu quê hương đã khiến cho lòng yêu nước không còn là một tình cảm trừu tượng, xa vời mà đã trở nên cụ thể, gần gũi và thân thương biết bao như nhà văn Ilia Erenbua (1955) đã từng nói: “*Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật bình thường nhất, yêu cái cây trồng trước nhà, yêu dãy phố nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị chua thơm mát của trái lê mùa thu hay miền thảo nguyên có hơi rượu mạnh*”. Trong truyện ngắn Thạch Lam, lòng yêu quê hương đất nước như là một “món quà” tinh thần mà tạo hóa ban phát đầu cho mỗi người Việt, không phân biệt giới tính, đẳng cấp. Đó là lòng yêu quê hương của một cô hàng xén sống trong cảnh tất bật, lam lũ đầu tắt mặt tối để mưu sinh, nhưng luôn gắn bó với làng quê (nhân vật Tâm trong *Cô hàng xén*). Đối với cô hàng xén tên Tâm, quê hương như là dưỡng chất bồi bổ cho tinh thần của cô, nuôi dưỡng Tâm trưởng thành và giúp cô vượt qua bao vất vả khó nhọc trên bước đường chạy chợ để thực hiện tấm lòng hiếu thảo nuôi dưỡng bố mẹ già và các em thơ. Lòng yêu quê hương của các nhân vật có trong cảnh quê và tình quê đã được nhà văn khắc họa đậm nét. Cảnh quê được cảm nhận bằng tình quê và tình quê lại còn được thể hiện ở mối quan hệ tình làng nghĩa xóm. Tác giả không trực tiếp miêu tả cảnh quê- tình quê mà đã để cho cảnh quê, tình quê hiện lên qua sự cảm nhận của nhân vật. Nhờ vậy, tính cách được thể hiện một cách khách quan và kín đáo. Vẫn cây đa ấy, vẫn cái quán gạch ấy, vẫn dãy tre đầu làng ấy, khi làm nghề hàng xén, đòn gánh đè vai, quanh năm tất bật, chạy chợ mưu sinh, ngày nào mà nhân vật Tâm (trong *Cô hàng xén*) chẳng thấy. Nền cây đa, quán gạch, dãy tre đầu làng tưởng như quá ư bình thường. Nhưng với tình yêu quê hương đậm thắm và sâu nặng, nhân vật Tâm thấy những hình ảnh ấy có một ý nghĩa rất đặc biệt. Đối với Tâm, những nét của cảnh quê ấy đã trở nên hết sức gần gũi, thân thương triu mến. Cây đa, quán gạch, dãy tre mang cả hồn quê và tình quê. Những nét cảnh quê ấy như là nguồn an ủi, là lời động viên, cổ vũ làm cho Tâm giảm bớt nỗi mệt nhọc, vất vả trên con đường gian nan, chạy chợ, trở về “*Cô Tâm*

bớt mệt hẳn đi khi nhìn thấy cây đa và cái quán gạch lộ ra trong sương mù. Cùng một lúc, dãy tre đầu làng gần hẳn lại, cành tre nghiêng ngả dưới gió thổi và cô nghe thấy tiếng lá rào rào và tiếng thân tre cọt két” (Thạch Lam, 2000). Những âm thanh “rào rào” và “cọt két” của lá tre, thân tre ở dãy tre đầu làng như dội vào lòng Tâm những tiếng quê thân thương và êm đềm. Nếu không có một lòng yêu quê hương nồng nàn thì làm sao nghe được những âm thanh hài hòa trong vẻ thanh bình và thân thuộc ấy. Bằng cảm quan tinh tế của bản tính yêu quê hương, Tâm đã cảm nhận được những âm thanh “rào rào”, “cọt két” của lá tre, thân tre lay động trong gió quê. Mọi âm thanh trong làng đối với Tâm đều rất quen thuộc: “*Chân cô dẫm lên lá tre khô và tai nghe tiếng xao xác đã quen*” (Thạch Lam, 2000). Đó là âm thanh của làng quê, còn đây là âm thanh của chợ quê mà âm thanh này đã bám riết lấy Tâm trong suốt quãng đời làm cô hàng xén chạy chợ tất bật, vất vả quanh năm, không có lấy một phút tĩnh tâm bởi kiếp nghèo đói nên: “*Chợ mỗi lúc một ồn ào. Người đến họp đã đông. Cái đông đục và ồn ào ấy khiến cho Tâm như lịm đi. Tiếng cười nói, tiếng cười đùa, chửi rủa tràn đầy cả mấy gian hàng*” (Thạch Lam, 2000). Trong cảnh chợ ồn ào “*khiến cho Tâm như lịm đi*” trong cảm giác khó chịu và mệt mỏi, nhưng Tâm không hề chán nản bởi nó đã gắn bó với cả cuộc đời chạy chợ của Tâm. Cũng như nhân vật Tâm, hai chị em Liên và An (trong truyện *Hai đứa trẻ*) cảm nhận những âm thanh của phố huyện nghèo bằng cả tình yêu quê hương. Đó là “*Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ, từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều về*” (Thạch Lam, 2000). Tiếng trống thu không báo hiệu mỗi ngày tàn “*từng tiếng một*” chậm rãi, dứt khoát như điểm nhịp cho cuộc sống uể oải, tẻ nhạt, đơn điệu nơi phố huyện nghèo. Nhưng đối với những người gắn bó với phố huyện như hai chị em Liên và An thì âm thanh ấy không hề bị gò bó. Âm thanh của tiếng trống thu không đã trở thành tiếng quê của phố huyện thanh bình. Trong cảnh của buổi chiều tàn, trên không gian phố huyện, còn có tiếng ếch nhái và tiếng muỗi: “*Một buổi chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hiệu hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve*” (Xuân Tùng, 2000). Những âm thanh này đã làm tôn thêm cảnh vắng vẻ và trống trải của phố huyện nghèo ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945. Nhưng đối với những người yêu quê hương như hai chị em Liên và An thì những âm thanh ấy thực sự mang hơi thở của nhịp đập trái tim phố huyện. Trong những âm thanh của phố huyện, có một âm thanh rất đặc biệt. Âm thanh này “*sống*” trong nỗi nhớ và niềm thao thức của hai chị em Liên và An. Âm thanh này vừa xa xôi, vừa quen thuộc. Nó xa xôi trong ước mơ và khát vọng của hai chị em Liên và An cùng những người nghèo phố

huyện như mẹ con chị Tý, bác phở Siêu, gia đình bác xâm đang thao thức đợi đoàn tàu đi qua phố huyện với tâm trạng “*Chùng ấy người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hàng ngày của họ*” (Thạch Lam, 2000). Âm thanh tiếng còi tàu cũng rất quen thuộc bởi đêm nào cũng như đêm nào, con tàu từ Hà Nội về cũng chạy qua phố huyện. Hai nhân vật Liên và An cũng như những người nghèo ở phố huyện không phải đợi tàu để đi tàu mà đợi tàu bằng một cảm nhận của khát vọng về một sự đổi thay dù sự đổi thay ấy chỉ có “một chút” quá nhỏ nhoi, ít ỏi và chỉ thoáng qua trong chốc lát: “*Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua*” (Thạch Lam, 2000). Yếu tố thời gian đã tạo nên độ sâu cho tâm trạng của nhân vật. Hai nhân vật Liên và An không đợi đoàn tàu chạy qua lúc ban ngày mà là đợi chuyến tàu đêm “*vì muốn được nhìn chuyến tàu đó là sự hoạt động cuối cùng của đêm khuya*” (Xuân Tùng, 2000). Con tàu đi qua phố huyện đã phá tan sự trống trải vắng lặng của buổi chiều tà và cảm giác nặng nề khi bóng đen của đêm tối đè lên cả không gian phố huyện: “*Tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng lại sẫm đen hơn nữa*” (Thạch Lam, 2000). Thời gian của con người trong một ngày: ban ngày thường là thời gian dành cho hoạt động chân tay, còn ban đêm mới là thời gian dành cho tâm trạng. Khi phố huyện chưa vào đêm, mới là lúc chiều tà, vậy mà khung cảnh “*một chiều êm ả như ru*” đã gieo vào lòng nhân vật An “*Cái buồn của buổi chiều quê, thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của cô; Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn*” (Thạch Lam, 2000). Trong văn bản tác phẩm, Thạch Lam đã tạo dựng thủ pháp tương phản giữa ngoại cảnh và nội tâm nhân vật, để làm bật nổi chiều sâu của tâm trạng nhân vật. Ngoại cảnh phố huyện có bóng đêm đen tối trùm lên, nhưng trong lòng của nhân vật Liên lại bừng sáng nỗi nhớ Hà Nội khi con tàu vừa đi qua: “*Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo*” (Thạch Lam, 2000). Đó là Hà Nội của tuổi thơ trong nỗi nhớ của Liên về cái thời người cha của Liên chưa bị mất việc ở Hà Nội. Nỗi nhớ này là biểu hiện sâu sắc của tình yêu tha thiết đối với Hà Nội- nơi Liên và An đã từng sống lúc tuổi thơ. Âm thanh tiếng còi tàu không chỉ mang khát vọng đổi thay của hai chị em Liên và An mà âm thanh ấy cùng với ánh sáng “*các toa đèn sáng trưng*” trên tàu đã đưa Liên về nỗi nhớ với tình yêu Hà Nội.

Tính cách Việt trong tình yêu quê hương xứ sở của các nhân vật không chỉ được thể hiện ở sự giao cảm với âm thanh- tiếng quê mà còn được bộc lộ ở sự cảm nhận mùi vị- quê hương của đất quê. Do biến động của cuộc sống gia đình, hai chị em Liên và An phải rời xa Hà Nội để về ở nơi phố huyện vắng lặng,

buồn tẻ và tăm tối. Nhung Liên và An đã sớm có cảm giác gắn bó với phố huyện biết chừng nào khi Liên cảm nhận được hương vị của đất quê: “*Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, mùi của quê hương này*” (Thạch Lam, 2000). Tình yêu quê hương, xứ sở đã khiến cho hương đất trở nên quyến luyến đối với hai chị em Liên và An. Hương đất, hương quê cũng đã thực sự trở thành một chất keo màu nhiệm làm kết dính tình cảm của nhân vật Tâm (trong *Cô hàng xén*) với mảnh đất quê hương. Hương vị đất quê vừa tỏa ra không gian bên ngoài, vừa ngào ngạt và sười ảm trong tâm hồn của Tâm khi trở về nhà: “*mùi bèo ở dưới ao và mùi rạ ướt đưa lên ẩm ướt*” và “*mùi phân trâu nồng ảm sặc ngay vào cổ*” (Thạch Lam, 2000). Cũng chính hương đất, hương quê ấy đã nâng bước Tâm đi trên con đường chạy chợ tất bật, gian nan: “*Sương trắng còn đầy ở các ngõ trong làng, mùi rơm rác và cỏ ướt thoang thoang bốc lên, mùi quen thuộc của quê hương và của đất màu khiến Tâm thấy dễ chịu và thêm can đảm*” (Thạch Lam, 2000). Nhân vật Thanh (trong *Dưới bóng hoàng lan*) lại cảm nhận mùi của đất quê trong vị hương đưa nhẹ nhàng và thoang thoang của hoa ngọc lan. Sau gần hai năm xa nhà, Thanh mới có dịp về thăm bà, anh thấy lại: “*Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành, ở đây bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu chàng*”. Đối với Thanh, quê hương luôn gắn với hình ảnh của người bà kính yêu. Khi về nhà, Thanh không chỉ được bà chăm sóc từng ly từng tí mà còn được tận hưởng những phút giây sáng khoái bởi bóng mát của cây và hương của hoa ngọc lan: “*Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng, lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lâm bâm: “cây hoàng lan!”*”, *mùi hương thơm thoang thoang đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng thường hay chơi dưới gốc nhật hoa*” (Thạch Lam, 2000). Hương quê của hoa ngọc lan đã gợi cho Thanh nhớ lại một tình yêu có từ kỷ niệm đẹp của tuổi thơ trong trắng. Với một tình yêu quê hương tha thiết, Thanh đã cảm nhận được vị ngọt ngào, đầm thắm của tình quê có trong hương của ngọc lan: “*Mùi hoàng lan thoang thoang bay trong gió ngát*” (Thạch Lam, 2000). Những giây phút sống ở quê, Thanh như được sống trong một thế giới tràn đầy hương của hoa ngọc lan. Hương ấy không chỉ là hương của trời, của đất quê hương mà còn là hương vị ngọt ngào, đầm thắm của tình bà cháu và tình yêu chân thành, trong trắng của Nga đối với Thanh.

Tình yêu quê hương của người Việt Nam luôn gắn với tình cảm gia đình. Ở phương Tây, có quan niệm lấy cá nhân con người làm trung tâm thì ở phương Đông như Việt Nam lại luôn lấy gia đình

làm điểm tựa. Tình cảm gia đình như lòng hiếu thảo của con, cháu đối với ông bà, cha mẹ, tình cảm anh em, chị em, tình vợ chồng hòa thuận cũng thuộc bản tính, chân tính của người Việt Nam.

Trong truyện ngắn Thạch Lam, tình cảm gia đình được thể hiện trước hết ở mối quan hệ ông bà, cha mẹ với cháu, con. Nhân vật Thanh (trong truyện *Dưới bóng hoàng lan*), dù đã trưởng thành, nhưng khi đi cạnh người bà kính yêu, anh vẫn cảm thấy mình như còn bé nhỏ và được che chở bởi sự yêu thương, chăm chút của người bà: “*Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còm. Tuy vậy, chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ*” (Thạch Lam, 2000). Sau gần hai năm xa nhà, xa bà, nay trở về, Thanh được người bà chăm sóc từng ly từng tý. Bà sửa chiếu, rồi xếp lại gối và “*Bà lại gần sờ sờ buồng màn, nhìn cháu và xua đuôi muỗi*” (Thạch Lam, 2000). Hình ảnh người bà “*Tóc bạc phơ và hiền từ*” in đậm trong tâm khảm Thanh. Những việc chăm sóc cháu hết lòng của người bà khiến cho Thanh: “*...cảm động gần ứa nước mắt. Bà yêu thương cháu quá, giờ chỉ có mình cháu, với mình bà*” (Thạch Lam, 2000). *Dưới bóng hoàng lan* là một bài thơ tình bằng văn xuôi, trong đó, tình quê hương được chắt với tình bà cháu và một mối tình thơ mộng có từ những kỷ niệm đẹp của tuổi thơ “*nhật hoàng lan rơi*”.

Mỗi truyện ngắn của Thạch Lam là một khoảng khắc- một mảnh của đời người. Tuy mỗi truyện là một khoảng khắc, một mảnh đời khác nhau, nhưng ở truyện nào cũng thấm đượm tình người mang tính cách Việt. Nếu như truyện *Dưới bóng hoàng lan* ngọt ngào tình bà cháu thì ở truyện *Nhà mẹ Lê* lại nồng ấm tình mẹ con. Nhân vật mẹ Lê- một người mẹ của mười một đứa con- sống cảnh ngụ cư, chen chúc trong túp lều lụp xụp cuối phố, có mặt nền rộng bằng độ hai chiếc chiếu “*Mùa rét thì giải ở rom dầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc*” và “*Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rom để mong lấy cái hơi ấm của mình ấp ủ cho nó*” (Thạch Lam, 2000). Mặc dù đông con và nghèo đói tột độ, nhưng bác Lê vẫn “*quý con lắm*”. Mẹ Lê và mười một đứa con đã phải trải qua bao ngày tháng đói khổ, cơm không đủ ăn, áo không có mặc, thiếu thốn trăm bề. Một mình mẹ Lê phải tự xoay xở để kiếm cho con từng bữa rau bữa cháo. Vào một buổi chiều của một ngày, mười một đứa con nhịn đói, mẹ Lê đã đến nhà ông Bá- một kẻ giàu có nhất trong làng- để xin gạo cho con. Lão Bá không những không cho gạo mà còn để thằng Phúc- con trai của lão thả chó Tây ra đuổi cắn mẹ Lê. Hai ngày sau, mẹ Lê qua đời. Cái chết của mẹ Lê là một khúc bi ca về tình mẫu tử mang đậm

tính cách Việt có trong trái tim của mỗi người mẹ Việt Nam.

Tính cách Việt trong truyện ngắn Thạch Lam không chỉ được thể hiện ở những người mẹ như nhân vật mẹ Lê mà còn được thể hiện ở những đứa con như nhân vật cô Tâm (trong truyện *Có hàng xén*). Tâm là một thiếu nữ do hoàn cảnh sa sút kể từ ngày ông Tú- bố của cô- ở trên tinh dọn về và mất kém nên ông không dạy học nữa, Tâm đã sớm phải bỏ học “*để bước chân vào cuộc đời rộng rãi hơn khó khăn và chật chội*” (Thạch Lam, 2000). “*Cuộc đời rộng rãi hơn khó khăn và chật chội*” đó là cuộc đời làm nghề hàng xén. Do hoàn cảnh gia đình sa sút, Tâm phải nghỉ học sớm để làm nghề hàng xén, bán hàng tạp hóa lặt vặt ở các chợ quê mà “*Tất cả gánh hàng của Tâm chỉ đáng giá hai chục bạc*”. Hàng xén không phải là một công việc nhẹ nhàng khỏe khoắn. Đây là công việc chạy chợ mà Tâm phải làm rất vất vả, vất vả, đầu tắt mặt tối. Ngày nào cũng như ngày nào, Tâm sống trong cảnh đòn gánh đè nặng trên vai: “*Cái đòn gánh cong xuống vì hàng nặng, kiu kịt trên mảnh vai, nhỏ bé theo nhịp điệu bước đi. Chịu khó, chịu khó, từng tí một, hết bước nọ sang bước kia, cứ thế mà đi không nghĩ ngơi*” (Thạch Lam, 2000). Tâm sống lầm lũi trong một chuỗi thời gian mà chuỗi thời gian ấy như là một cái móc xích buộc chặt đời cô với bao nỗi vất vả, vất vả. Cuộc đời của Tâm mòn mỏi trong sự chuyển dịch nặng nề và lặng lẽ của chuỗi thời gian ấy “*Tâm thấy ngày nay cũng như mọi ngày, ngày mai cũng thế nữa, tất cả cuộc đời nàng lúc nào cũng chịu khó và hết sức, như tám vải thô dệt đều nhau*” (Thạch Lam, 2000). Thạch Lam không để nhân vật tự bộc lộ bằng ngôn ngữ đối thoại mà ông đã khắc họa khéo léo những đường nét của tâm hồn nhân vật Tâm bằng diễn ngôn trần thuật. Nhờ vậy tính cách của nhân vật được thể hiện thực sự có chiều sâu và có tính khách quan, chân thực: “*Tâm thấy vừng vàng ở giá trị và lòng cao quý của mình. Nàng đã đảm đang nuôi cả một nhà... Làm việc, đối với Tâm, là cái lệ chung của người ta...Không bao giờ Tâm có nghĩ cho mình, cho cuộc đời riêng của cô*” (Thạch Lam, 2000). Nhân vật Tâm âm thầm, lặng lẽ chịu đựng những nỗi vất vả, gian khổ bằng tinh thần hy sinh, quên mình. Tinh thần này bắt nguồn từ tấm lòng hiếu thảo đối với cha mẹ và tình thương vô hạn của một người “*chị cả là mẹ em sau*” đối với những đứa em còn nhỏ của Tâm. Tâm dồn hết sức lực tâm huyết để chăm sóc cho cha mẹ và các em. Ngay lúc nghe bà Tú- mẹ của Tâm- nói tới chuyện gả chồng khi Tâm đã đến tuổi lấy chồng, Tâm vẫn rất bản khoáng, lo lắng về trách nhiệm đối với cha mẹ và các em: “*Con mà đi lấy chồng thì ai kiếm tiền cho các em ăn học? Thôi u cứ để con ở nhà buôn bán và trông nom nhà cửa cho thầy u*” và “*Thôi, u cứ để con ở nhà hầu hạ thầy u và săn sóc các em. Chúng nó còn bé dại cả, nếu con*

đi thì ai là người trông nom nhà cửa” (Thạch Lam, 2000). Lời của nhân vật Tâm là tiếng lòng của tính cách Việt trong tâm hồn của những người phụ nữ Việt Nam rất mực thuần phác và đôn hậu.

Trong truyện ngắn, Thạch Lam không ôm đồm, xô bồ trong việc đؤل theo những sự kiện, sự việc to tát để đưa vào tác phẩm mà mọi khám phá nghệ thuật của nhà văn đều hướng vào cái nhỏ bé. Ngôi bút của Thạch Lam như len lách vào chốn thâm sâu, trặc ẩn trong tâm hồn con người để tìm tòi, phát hiện vẻ đẹp của tính cách Việt. Văn của Thạch Lam rất nhẹ nhàng, thanh thoát, nên dễ đem đến cho người đọc cảm giác lững lờ như một áng mây xa, nhẹ nhàng như một làn gió thoảng, mỏng manh như một tia nắng rơi, phảng phất như một vị hương đưa, thấp thoáng như một cánh hoa khẽ lay động trên cành. Đó là cảm giác khi đi vào thế giới nghệ thuật vi tế trong truyện ngắn Thạch Lam. Cái nhỏ bé, vi tế trong truyện ngắn Thạch Lam, có khi chỉ là một “Sợi tóc” hay “Một tiếng chim kêu”, một làn gió “Gió lạnh đầu mùa” hoặc một “Đêm sáng trăng”, một “Buổi sớm”, một “Tiếng sáo” hay một “Bóng người xưa”... Thông qua những cái nhỏ bé ấy, Thạch Lam đã làm nổi bật cái lớn lao, cao cả mà cái lớn lao, cao cả ấy chính là tính cách Việt. Thể hiện tính cách Việt là một khát vọng của Thạch Lam trong sáng tạo nghệ thuật. Ông đã từng bày tỏ ước mơ “muốn sống cho ra một người đất Việt”. Ước mơ ấy đã trở thành khát vọng, trở thành động lực trong sáng tạo nghệ thuật của Thạch Lam: “Chúng ta không cần bất chước ai (mà công việc bất chước không phải là công việc sáng tác). Chúng ta cứ việc diễn tả cái tâm hồn An Nam của chúng ta, những tư tưởng, những ý nghĩ mà chúng ta ấp ủ trong thâm tâm. Chúng ta chỉ có thể bằng các nhà văn ngoại quốc, khi chúng ta đi sâu vào tâm hồn của chúng ta mà thôi” (Thạch Lam, 2000). Trong “tâm hồn An Nam” và “tâm hồn của chúng ta” mà Thạch Lam nói tới hai lần, có tính cách Việt. Ở truyện ngắn *Sợi tóc*, Thạch Lam đã khéo léo tạo dựng biểu tượng nghệ thuật để triết lý về cái ranh giới mỏng manh, nhỏ bé giữa tốt và xấu, giữa lương thiện và gian dối, để từ đó làm nổi bật sự chiến thắng của tính cách Việt. Tác giả để cho nhân vật Thành tự kể, tự bộc lộ một cách thành thực như chính cái tên của anh ta về mưu đồ toan lấy cấp tiên trong ví của người anh họ có tên là Bân. Trong một lần Bân rủ Thành đi hát cô đầu, do sự lầm lẫn của Bân, Thành đã phát hiện ra cái ví tiền trong túi áo của Bân. Một sự tính toán cùng với một kế hoạch, một phương án lấy cấp tiên trong ví của Bân đã được Thành vạch ra hết sức cụ thể và tỉ mỉ. Đột nhiên, trước khi tự ý ra về một mình, Thành nói với Bân: “Áo anh đây này, đây là áo của tôi” “Và nói thêm bằng tiếng Pháp: Anh đem lại tiền đi. Và để cẩn thận vào trong ấy” (Thạch Lam, 2000). Những câu nói của Thành đã thay đổi

và xóa bỏ hoàn toàn những toan tính ban đầu của Thành trong việc “lập kế hoạch” ăn cắp tiền của Bân. Đây là một quyết định dứt khoát, nhanh chóng và tức thì của Thành, tạo nên một tình huống quá đột ngột và bất ngờ đối với người đọc. Ở đây, Thạch Lam đã không “Hamlet hóa” nhân vật Thành bằng kịch tính nội tâm xoay quanh câu hỏi: “Lấy hay không lấy?”. Trước khi đi đến quyết định trả áo cho Bân và nhắc Bân đếm lại tiền trong ví, Thành không phải trải qua quá trình đắn đo, trăn trở, trăn trọc, day dứt, đắn đo, lưỡng lự thường có trong phép “biện chứng tâm hồn”. Từ toan tính, lập mưu ăn cắp tiền của Bân đến quyết định này, Thành đã nhanh chóng từ bỏ mưu đồ ăn cắp. Quyết định ấy đã giúp cho Thành vượt qua vũng bùn ô uế của sự man trá, xấu xa. Phải chăng quyết định nhanh chóng của Thành không trải qua quá trình “đấu tranh tư tưởng” không có những “con bão lòng” là một sự đốt cháy giai đoạn và không phù hợp với logic nội tại của tác phẩm? Sờ dĩ, nhân vật Thành không trải qua quá trình xung đột nội tâm là bởi đây là quyết định “ngâm giống như là “vô thức”. Quyết định của Thành theo xu hướng hướng thiện mà xu hướng hướng thiện lại thuộc về tính cách Việt. Tính cách Việt luôn ở dạng tiềm ẩn trong từng đường gân thớ thịt của mỗi con người Việt Nam. Trước một hoàn cảnh nào đó, tính cách Việt trở dậy thành tiềm lực giúp cho mỗi con người Việt Nam tinh táo sáng suốt và có sức mạnh để vượt qua mọi cái xấu xa gian dối và tàn ác. Nó thanh lọc tâm hồn và đánh thức lương tri của con người Việt Nam. Chính nó đã khiến cho nhân vật Thành có quyết định nhanh chóng từ bỏ mưu đồ toan tính ăn cắp tiền của Bân. Quyết định của Thành không phải diễn ra mà là xuất hiện nhanh chóng bởi ranh giới giữa chân thực và man trá, giữa tốt và xấu, giữa thiện và ác chỉ như một *Sợi tóc* mong manh, nhỏ bé. Quyết định nhanh chóng của Thành là sự chiến thắng của tinh thần hướng thiện đậm đà tính cách Việt.

Âm thanh chiêm chiêm nhỏ bé tưởng như tiếng chim giữa một đêm mưa gió lạnh lẽo cuối năm được hai nhân vật anh và em trong truyện *Tiếng chim kêu* cảm nhận bằng cảm giác từ một trái tim đa sầu đa cảm đầy lòng trặc ẩn, từ bi bác ái mang tính cách Việt. Tuy đạo Phật không phải là quốc giáo, nhưng trong tâm thức của mỗi con người Việt Nam đều có trái tim chứa đầy tinh thần từ bi, bác ái. Lòng từ bi, bác ái cũng là một biểu hiện đậm nét của tính cách Việt. Người Việt Nam không chỉ có câu “*Thương người như thể thương thân*” mà còn có câu “*nhân như vật*” bởi thái độ nâng niu, trân trọng, đầy tình thương cảm đối với mọi sinh thể bé nhỏ trong vũ trụ. Hai nhân vật anh và em (trong *Tiếng chim kêu*) không có tên riêng nên có tính khái quát cao và trở thành biểu tượng nghệ thuật của tính cách Việt. Yếu tố thời gian trong truyện, vào “*một đêm*

mưa phùn ẩm ướt và tối tăm về cuối tháng chạp” (Thạch Lam, 2000), yếu tố không gian vừa rộng, vừa hẹp. Không gian rộng là không gian miền Bắc. Không gian hẹp là không gian của căn phòng ẩm áp, yên lặng. Yếu tố thời gian và yếu tố không gian rộng trong truyện giúp người đọc nhận ra rằng: đây là một đêm vào “cuối tháng chạp” thuộc thời điểm cuối năm đang là mùa đông. Tiết trời mùa đông ở miền Bắc bao giờ cũng rất lạnh. Ở đây lại là thời gian ban đêm có “mưa phùn ẩm ướt và tối tăm” thì không khí lại càng lạnh. Giữa cảnh đêm ngoài trời mưa lạnh ấy, hai nhân vật anh và em được nằm ngủ trong một căn phòng có chăn êm, nệm ấm thì khoái thú biết bao! Ban đầu, cả hai nhân vật anh và em đều có cảm giác ấy: “*Tưởng tượng không có cái khoan khoái êm ấm nào bằng cái thú đắp chăn nằm ngủ mà nghe mưa gió ở ngoài. Đêm lúc bấy giờ lạnh hơn, lại càng làm cho mình thấy cái ấm trong chăn là dễ chịu. Tiếng mưa reo và gió thổi như một thứ âm nhạc vui vui ru ngủ người ta dần dần*” (Thạch Lam, 2000). Trong cảnh sống với cảm giác ấy, tưởng là hai nhân vật anh và em sẽ dễ dàng đi vào giấc ngủ ngon lành. Cảm giác ấy là cảm giác rất bình thường và cũng rất “người”. Nhưng cảm giác ấy chỉ bó hẹp trong phạm vi con người cá nhân: của mình và chỉ riêng cho mình mà thôi. Với một trái tim dạt dào tình nhân ái, hai nhân vật anh và em đã nhanh chóng sống với cảm giác mang tính cách Việt “*thương người như thể thương thân*”: “*Chúng tôi nghĩ đến, rồi thương hại những người lữ khách vào giờ này hay còn đi trên con đường vắng, ướt như chuột lột và run như cây sậy, đi vội vàng để tìm một chỗ trú chân. Chúng tôi lại ái ngại cho những nhà nghèo bên hàng xóm, giờ này vợ chồng con cái đều phải dậy để chống cái nhà lá mà mỗi cơn gió mạnh làm lung lay và để đem các chậu thau hứng những chỗ giọt nước*” (Thạch Lam, 2000). Thông thường có đồng cảnh mới đồng cảm, có cùng cảnh ngộ mới dễ hiểu nhau và dễ thương nhau. Hai nhân vật anh và em ở trong *Tiếng chim kêu* hoàn toàn không cùng cảnh ngộ với những người nghèo khổ mà họ nghĩ tới. Cũng như hai nhân vật chị Lan và em Sơn (trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*), có đầy đủ áo nọ áo kia để mặc ấm vào lúc cơn gió lạnh đầu mùa thổi tới. Khi đi chơi ngoài bãi chợ, Sơn thấy các bạn nhà nghèo “*môi chúng nó tím lại, và qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi. Mỗi cơn gió đến, chúng nó lại run lên, hàm răng đập vào nhau*” (Thạch Lam, 2000). Trong số những đứa trẻ nghèo ấy, có bé Hiền “*con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay*” (Thạch Lam, 2000). Thấy cảnh ấy, Sơn động lòng trắc ẩn và đã nói với chị ý định của Sơn là đem cho bé Hiền cái áo bông cũ. Hai chị em Lan và Sơn đã dẫu mẹ dễ thực hiện ý định ấy. Động lực nào giúp hai chị em Lan và Sơn vượt lên nỗi sợ mẹ để cho bạn cái áo bông cũ, mong bạn cũng ấm áp như mình?

Đó là tinh thần “*Ám thân thương kẻ lạnh lùng*” mang tính cách Việt rất đậm nét. Tình cảm của hai nhân vật anh và em (trong truyện *Tiếng chim kêu*) và hai nhân vật chị Lan và em Sơn (trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*) đều vượt lên trên ranh giới phân lập giai tầng trong xã hội. Điều này có mang màu sắc cải lương không? Ngoài tình giai cấp, người Việt Nam còn có tình dân tộc. Tình thương yêu đoàn kết dân tộc cũng là biểu hiện của tính cách Việt với truyền thống “*lá lành đùm lá rách*”. Đây là tấm lòng bác ái, vị tha cao cả vốn có của người Việt Nam.

Như trên đã nói, ở hai nhân vật anh và em trong *Tiếng chim kêu* còn có lòng từ bi rộng mở. Trong cảnh một đêm đông cuối năm, ngoài trời gió mưa lạnh lẽo, trong phòng hai anh em nằm trên giường ẩm áp. Nhưng khi nghe tiếng chiêm chiếp của cây tre ở đầu nhà bị gió lay, hai nhân vật anh và em có cảm giác như là tiếng con chim “*bị mưa gió đánh bật đến đây trú*”. Tiếng chim kêu là âm thanh của loài vật nhỏ bé trong vũ trụ. Đó là âm thanh rất quen thuộc nên quá bình thường, không có gì đặc biệt để đáng được quan tâm. Nếu nghe tiếng chim bằng thính giác thì chỉ biết tiếng chim là một loại âm thanh như thế. Nếu thính giác của hai nhân vật anh và em có thêm vai trò “*thâm âm*” thì cũng chỉ cảm nhận được “*tính nhạc*” trong âm thanh tiếng chim mà thôi. Có thể nói, trong *Tiếng chim kêu*, hai nhân vật anh và em không nghe tiếng chim bằng thính giác mà đã nghe bằng trái tim mang nặng tình cảm từ bi, bác ái của tính cách Việt. Có nghe bằng trái tim như thế thì mới thấu cảm được cảnh huống của con chim “*chắc hẳn là một con chim bị mưa gió đánh bật đến đây trú*” vào lúc ở ngoài trời đang có mưa và gió quá lạnh lẽo. Nghe người anh nói, người em đã thốt lên: “*Tội nghiệp, chắc ở ngoài ấy nó bị rét lắm*” (Thạch Lam, 2000). Đây là tiếng lòng của trẻ thơ sớm có tính cách Việt ngay trong dòng máu từ thuở sơ sinh. Lòng từ bi, bác ái trong tính cách Việt không hề có sự giới hạn theo từng thế hệ mà nó được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, như một dòng chảy liên tục để nuôi dưỡng sức mạnh tinh thần cho cả dân tộc. Cảm giác của lòng từ bi, bác ái đã đem đến cho hai nhân vật anh và em một hình ảnh thấm đượm nỗi thương cảm xót xa đầy ấn tượng: “*Chúng tôi tưởng tượng ngay ra một con chim ướt át, xù lông ra vì rét đến chỗ cửa sổ đời vào vì nó thấy ánh sáng trong phòng ẩm áp chiếu ra*” (Thạch Lam, 2000). Từ nỗi thương cảm một con chim ướt lạnh vào lúc ngoài trời đang mưa gió, hai nhân vật anh và em đã bàn với nhau mở cửa phòng để cứu con chim. Nhưng thực sự chẳng có tiếng chim của một con chim nào cả mà chỉ là tiếng cây tre đầu nhà bị gió lay. Đây là một sự lầm lẫn. Nhưng không phải bất cứ sự lầm lẫn nào cũng đều dẫn đến những tai họa. Sự tưởng lầm của hai nhân vật anh và em không hề gây nên một hậu quả đáng tiếc nào bởi

đây là sự tưởng lầm của lòng từ bi, bác ái trong tính cách Việt, nên là sự tưởng lầm hồn nhiên, trong trắng, ngây thơ mà cao quý đáng thương.

Tính cách Việt giúp cho mỗi con người Việt Nam có được sự cân bằng trong ứng xử. Sự cân bằng trong ứng xử là một biểu hiện của lòng bác ái, nhân từ trong tính cách Việt. Nhân vật chính trong truyện ngắn *Người đầm* là một phụ nữ người Pháp dưới thời thực dân Pháp còn đô hộ nước ta, trước cách mạng tháng Tám 1945. Người trần thuật câu chuyện là nhân vật “tôi”. Cũng như các truyện ngắn khác của Thạch Lam, *Người đầm* không có cốt truyện. Toàn bộ văn bản tác phẩm truyện *Người đầm* chỉ xoay quanh cái nhìn của nhân vật “tôi”- người của một nước đang bị thực dân Pháp thống trị- đối với một phụ nữ người Pháp. Không gian mà người phụ nữ Pháp- “người đầm” xuất hiện là rạp chiếu phim- nơi tập trung người xem bao gồm cả người Việt và người Pháp và cũng là nơi có sự phân biệt về chỗ ngồi của hai loại khán giả Việt và Pháp. Đây vừa là sự phân biệt đẳng cấp vừa là sự phân biệt dân tộc, chủng tộc. Sự phân biệt này không chỉ ở chỗ ngồi mà nặng nề hơn là ở cái nhìn về nhau. Đây là không gian biểu thị tập trung của hai cái nhìn đối nghịch: cái nhìn của thế lực thực dân đối với người dân ở nước thuộc địa và cái nhìn của người dân thuộc địa đối với thế lực thực dân. Thế lực thực dân thường nhìn người dân thuộc địa bằng con mắt khinh bỉ, miệt thị. Còn người dân thuộc địa lại nhìn thế lực thực dân bằng con mắt chứa đầy sự căm ghét và ít nhiều pha chút kỳ thị chủng tộc.

Thời gian ban đêm thường là thời gian của sự tĩnh tâm, giúp con người dễ có được một cái nhìn trung thực. Nhưng đây là thời gian của thi pháp học liên quan đến cách thể hiện cái nhìn của nhân vật “tôi” đối với người phụ nữ Pháp xuất hiện trong một đêm tại một rạp chiếu phim. Vậy yếu tố nào quan trọng tạo nên cái nhìn bên trong của nhân vật “tôi”? Câu chuyện được bắt đầu từ tình huống nghệ thuật nhân vật “tôi” ngạc nhiên đến mức “sửng sốt” trước sự xuất hiện của người phụ nữ Pháp cùng với một đứa con gái nhỏ ngồi ở hàng ghế hạng hai. Thông thường ở thời ấy, những người Pháp vào rạp xem phim bao giờ họ cũng ngồi ở hàng ghế “lô” hoặc hàng hạng nhất. Nhân vật “tôi” đã đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác trước những cử chỉ và thái độ của người phụ nữ Pháp. Trong khi những khán giả người Việt khác “tò mò nhìn vào người đầm. Nhưng họ nhìn một cách sống sượng và chăm chú quá; trong khi những con mắt đó; đôi khi lại thoáng qua một tia lãnh đạm và ác cảm nữa” (Thạch Lam, 2000). Trước những cái nhìn như thế của những khán giả là người dân bản xứ, người phụ nữ Pháp có phản ứng rất tế nhị “bà ta cố thu hình cho nhỏ bé lại, và luôn luôn cúi mặt xuống tờ chương trình để

trên lòng”. Mỗi khi đứa con gái cất tiếng cười hay huýt sáo miệng, người phụ nữ Pháp ấy lại “vội vàng đưa mắt nhìn quanh, rồi ra hiệu bảo con im”. “Và cái nhìn của bà ta rụt rè, e lệ quá, khiến tự nhiên tôi ái ngại và cảm động” và “bà có cái vẻ rụt rè nhũn nhũn mà ta không thấy ở nhiều người đầm đã sống lâu bên này” (Thạch Lam, 2000). Người đầm này ăn mặc giản dị, toàn một màu đen. Những nét khác biệt về cử chỉ, thái độ và ngoại hình của người phụ nữ Pháp được cảm nhận bằng một cái nhìn của nhân vật “tôi”. Người Việt Nam có câu tục ngữ: “Mía sâu cũng có từng đốt, nhà đột cũng có từng chỗ”. Câu tục ngữ đã thể hiện một cái nhìn sáng suốt, tinh tường và rất biện chứng của con người Việt Nam. Nhân vật “tôi” trong *Người đầm* cũng có cái nhìn ấy. Đó là cái nhìn không theo kiểu “vơ đũa cả nắm”, không đánh đồng mọi giá trị. Không phải người Pháp nào cũng là “người Pháp thực dân” mà còn có những người Pháp dịu dàng, thủy mị và tế nhị như người phụ nữ Pháp trong *Người đầm*. Cái nhìn của nhân vật “tôi” đối với người đầm xuất phát từ một tấm lòng bác ái, nhân hậu của tính cách Việt. Lòng bác ái, nhân hậu của tính cách Việt cao đẹp biết bao nhiều khi nó vượt lên trên giới hạn của biên giới quốc gia, dân tộc.

Lòng chung thủy, trước sau như một cũng là một nét nổi bật của tính cách Việt. Đó là lòng chung thủy trong tình bạn và tình yêu. Trong *Người bạn trẻ*, có một tình bạn rất đẹp. Đó là tình bạn thuở học trò hết sức trong trắng và thủy chung giữa Bình và Bào. Sau bảy tám năm xa nhau, nay hai người gặp lại nhau với cả sự mừng vui vồn vã. Bình nhớ mãi những kỷ niệm về Bào thời cùng học một trường “anh Bào vẫn có cái danh hiệu là “con gái” do anh em tặng. Vì hồi ấy, anh mới có mười ba tuổi- chúng tôi học ở lớp nhất- hai má anh hồng hồng và vẻ mặt anh nõn nà trông xinh xinh như một cô con gái thật. Mà tính tình anh cũng ngây thơ nữa” (Thạch Lam, 2000). Vì nhà nghèo, Bào phải bỏ học. Sau lần gặp ấy, Bào rơi vào cảnh thất nghiệp, nên chán đời. Bào đã tự tử. Biết tin bạn chết, Bình rất đau đớn, tiếc thương “Tôi bàng hoàng cả người” và “lòng tôi thấy nao nao thương tiếc. Nước mắt tràn lên mi, tôi thấy nghẹn ngào như muốn khóc” (Thạch Lam, 2000).

Người Việt Nam không chỉ chung thủy trong tình bạn mà còn rất chung thủy trong tình yêu đôi lứa, tình vợ chồng. *Bóng người xưa* là bóng dáng của Mai trong hồi ức của Vân về cái thuở Vân và Mai yêu nhau tha thiết. Mai thuở ấy là “Mai ngày mới gặp chàng, ngày là một thiếu nữ mà vẻ xinh đẹp đã làm chàng cảm động”, “Trong trí chàng, cả một dĩ vãng nổi lên với rõ rệt một hình ảnh xinh tươi của Mai còn trẻ; ấy là tất cả cái lịch sử tình yêu của chàng. Trời, chàng đã yêu mến biết bao nhiêu người thiếu nữ ấy! Đáng điệu và vẻ đẹp của Mai lúc bấy

giờ đã khiến cho lòng chàng bao lần rung động: chàng đã yêu đắm đuối thiết tha, và Mai cũng yêu chàng như thế” (Thạch Lam, 2017). Nhưng vì sự nghiêm khắc của gia đình, Mai không lấy được Vân mà phải làm vợ một người chồng ác nghiệt. Vân bỏ ra đi. Năm năm sau, Vân trở về thì Mai đã góa chồng. Về xinh tươi của Mai, của “bóng người xưa” không còn nữa bởi Mai đã phải trải qua “năm năm héo hon bên người chồng ác nghiệt” (Thạch Lam, 2017). Trên trán Mai đã hằn in những nếp nhăn của bao nỗi đau khổ. Về sáng tươi của đôi mắt Mai thuở xưa không còn nữa và đôi môi của Mai chỉ còn nở một nụ cười an phận và buồn rầu. “Lòng thương Mai khiến Vân lại lấy nàng” (Thạch Lam, 2017). Mặc dù Mai không còn vẻ của “bóng người xưa”, nhưng Vân vẫn lấy Mai làm vợ. Việc này xuất phát từ “lòng thương Mai” của Vân. Trước cảnh ngộ của Mai như thế ai mà chẳng thương! Đặc biệt là Vân, người trước đây đã từng yêu Mai tha thiết thì không thể không thương Mai được. Đối với Vân, việc chuyển từ tình yêu sang tình thương thì lại càng làm cho tình yêu trở nên đậm thắm hơn, đậm đà hơn. Nhưng trong cảnh huống cụ thể của Mai, việc chuyển từ tình yêu sang tình thương của Vân cũng dễ làm cho chính người trong cuộc là Vân dễ hiểu lầm là một sự ban ơn, một sự bố thí. Nên “một vài tháng sau khi lấy nhau, Vân thành ra hối hận đã lấy Mai. Một sự chua chát thấm vào tâm hồn chàng. Vân trở nên lãnh đạm, rồi ghen ghét” (Thạch Lam, 2017). Biểu hiện tâm lý của nhân vật Vân như thế là một lẽ tự nhiên. Điều này càng chứng tỏ rằng việc Vân lấy Mai làm vợ sau cảnh ngộ của Mai là một biểu hiện của lòng chung thủy- một trong những nét đẹp của tính cách Việt. Sự quan tâm của Vân đối với Mai ở thời khắc chuẩn bị sinh nhật đầu tiên của đứa con đầu lòng và nỗi ân hận của Vân về thái độ thiếu tôn trọng Mai trước đây càng thể hiện sâu đậm tình cảm thủy chung của Vân và Mai.

Việc nhân vật Mai nói dối người chồng là Sinh (trong truyện *Đói*) về số tiền có được không phải là một sự phản bội. Ở đây có sự mâu thuẫn giữa cái trước mắt và cái lâu dài. Cái trước mắt là cái đòi đang hành hạ, dày vò thể xác và từng phút, từng giây đe dọa sinh mạng của Sinh. Hai vợ chồng Sinh-Mai không có một đồng xu dính túi và cũng không còn một hạt gạo nào trong cảnh ngộ Sinh hoàn toàn thất nghiệp. Cái lâu dài ở đây là hạnh phúc của Sinh-Mai. Tuy có mâu thuẫn, nhưng giữa cái trước mắt và cái lâu dài ở đây lại có sự thống nhất với nhau trong mối quan hệ có- còn, không- mất. Nếu không có cái trước mắt thì cái lâu dài cũng không còn. Nếu cái trước mắt là không thì cái lâu dài cũng mất. Lúc này nếu không có tiền để cứu đói thì Sinh sẽ chết, làm sao có thể có hạnh phúc lâu dài. Mặc dù, Mai đã phải chạy ngược chạy xuôi, chạy đôn chạy đáo để vay tiền, nhưng chẳng có một ai cho vay tạm. Trước

cảnh huống ấy, Mai đã dẫu Sinh trong việc bán thân để lấy tiền cứu Sinh. Có đặt Sinh và Mai trong cảnh huống đó thì mới thấy việc làm của Mai là một sự hy sinh xuất phát từ tình cảm thủy chung trong tính cách Việt. Do không hiểu được điều này nên Sinh đã nghi ngờ Mai và xem đây như là một sự phản bội của Mai đối với Sinh.

Người Việt Nam luôn có tinh thần hướng về cội nguồn, tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Cũng từ đó, người Việt có ý thức giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc. Tinh thần và ý thức ấy luôn thường trực trong trái tim của mỗi người Việt. Liên và Huệ (trong truyện *Tối ba mươi*) là hai cô gái bị xã hội thời ấy đẩy vào chốn “lầu xanh” phải sống kiếp đời giang hồ, lưu lạc. Tuy phải sống trong cảnh uế tạp, nhưng vào *Tối ba mươi*- thời khắc giao thừa giữa năm cũ và năm mới- Liên và Huệ vẫn sắp sửa hoa quả, thức ăn cúng tổ tiên, ông bà. Trong văn bản tác phẩm, nhà văn đã tạo dựng thủ pháp tương phản để làm bật nổi sự thiêng liêng của tính cách Việt trong tâm hồn của hai cô gái Liên và Huệ. Dù sống trong “không gian sặc sụa mùi ô uế” của chốn lầu xanh: “Dưới ánh ngọn đèn mờ, lòng chống các đồ đạc quen thuộc: cái giường cũ Hồng Kông cũ, đồng hồ và gi sạp, cái bàn gỗ ẩm ướt ở góc tường, hai cái ghế long chân” (Thạch Lam, 2000), nhưng khi đến thời khắc năm cũ sắp qua, năm mới sắp tới, đó là lúc giao thừa, Liên và Huệ vẫn không quên cúng giao thừa để tỏ lòng biết ơn tổ tiên, ông bà cha mẹ. Liên đã phải chạy vội khắp các phố để tìm mua đồ cúng khi các cửa hiệu sắp đóng cửa vào tối ba mươi. *Tối ba mươi* là một hoạt cảnh đậm đà tính cách Việt. Tính cách Việt như là một sức sống thiêng liêng tiềm ẩn trong trái tim của Liên và Huệ, rồi vào tối ba mươi- đêm cuối năm- tính cách Việt mới trỗi dậy trong lòng hai cô gái. Bàn để bày cỗ cúng là một cái bàn “rửa mặt đầy vết bẩn”, Liên đã đặt đĩa cam quýt, cái bánh chưng và thếp vàng trên cái bàn ấy: “Các đồ cúng nghèo nàn bồng bầy lộ ra trước mắt hai người” (Thạch Lam, 2000). Bát hương được tạo ra từ “Cái cốc bẩn ở góc tường mà cả khách làng chơi cũng không thèm dùng đến, nàng định dùng làm bát hương cúng tổ tiên” (Thạch Lam, 2000). Điều đáng quý là ở lòng thành đối với tổ tiên của Liên và Huệ. Lòng thành kính đó là một biểu hiện sâu sắc của tính cách Việt.

3 KẾT LUẬN

Truyện ngắn của Thạch Lam nhẹ nhàng mà thâm thúy, ý nhị và sâu xa. Những nhân vật trong truyện ngắn của Thạch Lam được kết nối bởi những sợi tơ lòng óng chuốt và bền chặt của tình người. Bất kỳ nhân vật nào trong truyện ngắn của Thạch Lam cũng thể hiện tính cách Việt khá nổi bật. Điều này chứng tỏ rằng tính cách Việt đã thực sự là nguồn cảm hứng chủ đạo trong sáng tạo nghệ thuật của Thạch Lam ở

thể loại truyện ngắn. Tính cách Việt còn là động lực thẩm mỹ của nhà văn trong khám phá nghệ thuật. Tuy hầu hết truyện ngắn Thạch Lam đều tập trung thể hiện tính cách Việt nhưng ở mỗi văn bản tác phẩm và mỗi nhân vật lại có những vẻ đẹp khác nhau. Sở dĩ như vậy là bởi tài năng sáng tạo nghệ thuật dồi dào và phong phú của Thạch Lam để nhà văn không bao giờ tự lặp lại mình. Tính cách Việt trong truyện ngắn của Thạch Lam thể hiện sự khám phá đa chiều của nhà văn về vẻ đẹp nhiều sắc màu của tâm hồn Việt. Tính cách Việt là cái tứ, là hồn văn của truyện ngắn Thạch Lam. Truyện ngắn Thạch Lam đã trở thành “bảo tàng” lưu giữ vẻ đẹp của tính cách Việt trong tâm hồn mỗi con người Việt Nam yêu nước và yêu dân tộc, nên cũng đậm đà bản sắc dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đào Duy Anh, 1951. *Giản yếu Hán - Việt từ điển*. Nhà xuất bản Minh Tân, 7. Rue Guénégaud - Paris, 1198 trang.
- Phan Văn Các, 2001. *Từ điển từ Hán- Việt*. Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 514 trang.
- Nguyễn Văn Chiến, 2016. Tính cách người Việt từ góc nhìn lịch sử. Trong: Nguyễn Văn Chiến. *Tính cách người Việt (Nghiên cứu Nhân học Văn hóa)*, Nhà xuất bản Hội nhà văn, Hà Nội. 383 trang.
- Thiều Chừu, 1997. *Hán - Việt từ điển*. Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 895 trang.
- Iliia Erenbua, 1955. *Thời gian ủng hộ chúng ta* (Thép Mới dịch). Nhà xuất bản Văn Nghệ. 158 trang.
- Thạch Lam, 2000. Thạch Lam - Truyện ngắn. Trong: Xuân Tùng (Chủ biên). *Thạch Lam và văn chương*. Nhà xuất bản Hải Phòng. Thành phố Hải Phòng, 693 trang.
- Thạch Lam, 2017. Bóng người xưa. Trong: Thạch Lam. *Năng trong vườn*. Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Công ty Văn hóa và truyền thông Nhã Nam, 159 trang.
- Nguyễn Lân, 2007. *Từ điển từ và ngữ Hán - Việt*. Nhà xuất bản Văn học, 872 trang.
- Nguyễn Đức Nam, 1972. *Việt Nam trong trái tim của các nhà văn thế giới*. Tạp chí Văn nghệ quân đội. 9: 102 - 108.
- Hoàng Phê, Bùi Khắc Việt, Chu Bích Thu và ctv., 1998. *Từ điển Tiếng Việt*. Nhà xuất bản Đà Nẵng. Thành phố Đà Nẵng, 1130 trang.